

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 04-06-2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Thôn 8, xã Th H, huyện Thạch Thắt, Thành phố Hà Nội.

2. Anh **Triệu Văn Th**, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Thôn C M, xã Đ A, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị T và anh Triệu Văn Th đăng ký kết hôn ngày 20-9-2004 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ A, huyện V Q, tỉnh Lạng Sơn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh Th, chị T sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh Th, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn,

cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn của anh, chị đã kéo dài, không thể hàn gắn được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2] **Về con chung:** Anh Th, chị T xác nhận có 01 con chung là Triệu Xuân T, sinh ngày 28-11-2005. Ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị Tuyên tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Triệu Xuân T có nguyện vọng được mẹ Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Xét thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[3] **Về tài sản chung:** Anh Th, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] **Về lệ phí:** Anh Th, chị T mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Triệu Văn Th.

1.2. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Triệu Văn Th xác nhận có 01 con chung là Triệu Xuân T, sinh ngày 28-11-2005. Khi ly hôn, chị Bùi Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Triệu Xuân T cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác; Anh Triệu Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Triệu Văn Th đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.4. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T, anh Triệu Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Bùi Thị T nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền 150.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 07427 ngày 04-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất. Anh Triệu Văn Th nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền 150.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 07428 ngày 04-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ A, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn (Nơi thực hiện đăng ký kết hôn);
- Lưu HSVDS/VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Trường